TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2023
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Đắc Minh

2. Ông Trương Hữu Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 197/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc "ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Hoàng Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp A, xã V, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Khưu Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Hoàng Đ và bà Khưu Thị M sống chung với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, thành phố M, tỉnh Cà Mau ngày 17/01/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2005.

Trong thời gian chung sống, ông Đ và bà M có 01 con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống từ năm 2004 cho đến năm 2019 vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2019 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt, đời sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, vì vậy vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung hai người không có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau. Tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên ông Đ muốn ly hôn để không làm khổ cho cả hai người. Vì vậy, ông Đ xin được ly hôn với bà Khưu Thị M.

Về con chung: Do con chung hiện nay đang do bà Khưu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên ông Đ yêu cầu bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006; ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

Theo bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn (bà M) trình bày:

Bà Khưu Thị M và ông Lâm Hoàng Đ sống chung với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, thành phố M, tỉnh Cà Mau ngày 17/01/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2005.

Trong thời gian chung sống, bà M và ông Đ có 01 con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006.

Quá trình chung sống từ năm 2004 cho đến năm 2019 vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng từ cuối năm 2019 cho đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Đ không còn lo lắng, chăm sóc gia đình, vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt, đời sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, vì vậy vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung hai người không có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau. Tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên bà M đồng ý ly hôn với ông Đ để không làm khổ cho cả hai người.

Về con chung: Bà M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006; không yêu cầu ông Lâm Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại các Điều 26, 35, 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn; tranh chấp về nuôi con là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn bà Khưu Thị M, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ B, ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, thành phố M, tỉnh Cà Mau ngày 17/01/2005 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng càng ngày càng lạnh nhạt, đời sống hôn nhân trở nên ngột ngạt, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau nữa, vì vậy vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay. Từ khi không còn sống chung hai người không có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau.

Tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên đều mong muốn được ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 12/6/2023 được biết: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ năm 2019 đến nay. Từ lời khai của nguyên đơn, bị đơn, kết quả xác minh của Tòa án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006. Tại bản tự khai ngày 16/6/2023, cháu T có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Khưu Thị M, ông Đ yêu cầu bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà M cũng có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên cần thiết giao con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006 cho bà Khưu Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Khưu Thị M không yêu cầu ông Lâm Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 39, 147, 179, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 17 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "ly hôn; tranh chấp về nuôi con" của ông Lâm Hoàng Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Hoàng Đ được ly hôn với bà Khưu Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Nhật T, sinh ngày 08/4/2006 cho bà Khưu Thị M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Khưu Thị M về việc không yêu cầu ông Lâm Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

Ông Lâm Hoàng Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011745 ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/6/2023)./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng